

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HS-ST
Ngày 14 – 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Đôi

Bà Vũ Thị Quỳ

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Quý Linh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Kim Cương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bùi Đức D, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1976; ĐKKHKT: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức T2, sinh năm 1943 và bà Bùi Thị D2 (đã chết); có vợ là Vũ Thị K2, sinh năm 1979; có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án: Không; Tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 193/QĐ-CT ngày 09/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ đối với Bùi Đức D về việc cai nghiện ma túy tại gia đình; Nhân thân: Bản án số 29/2016/HSST ngày 20/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt Bùi Đức D 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2020 đến ngày 19/12/2020 chuyển tạm giam, có mặt.

2. Lê Ngọc T, sinh ngày 22 tháng 01 năm 1992; ĐKHKT: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T3, sinh năm 1958 và bà Hoàng Thị M2, sinh năm 1960; có vợ là Nguyễn Thị M1, sinh năm 1998; có 01 con sinh năm 2019; Tiền án: Bản án số 52/2015/HSST ngày 10/4/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; Tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2020 đến ngày 19/12/2020 chuyển tạm giam, có mặt.

3. Bùi Đức S, sinh ngày 28 tháng 9 năm 1997; ĐKHKT: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức D, sinh năm 1976 và bà Vũ Thị K2, sinh năm 1979; Có vợ là Bùi Thị N1, sinh năm 1984; Tiền án, Tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2020 đến ngày 19/12/2020 chuyển tạm giam, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Ngô Đăng Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Anh Phạm Đức T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 16/12/2020 Bùi Đức D đi xe buýt ra khu vực đường tàu thuộc nội thành Hải Phòng mua của một người đàn ông không quen biết 500.000 đồng được 23 đoạn ống hút nhựa màu vàng đựng ma túy Heroin. Khoảng 17 giờ cùng ngày D về nhà, lấy 02 ống ma túy ra sử dụng một mình hết và để 18 ống ma túy trong một hộp nhựa, sau đó cất giấu ở trên tủ kệ sách; 03 ống ma túy còn lại, D ra phía sau nhà đưa cho Bùi Đức S và bảo S để số ma túy này trên nóc tủ lạnh, khi nào có khách hỏi mua thì S bán, S đồng ý. Đến khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày, khi D, S và Lê Ngọc T đang ở nhà thì Ngô Đăng Đ và Phạm Đức T1 cùng đến nhà D để mua ma túy. Thấy D đang ngồi sửa loa ở nền nhà, Đ nói với D “*bán cho em hai trăm*”, nghĩa là bảo D bán cho Đ hai trăm nghìn tiền ma túy Heroin. D chỉ tay về phía S đang đứng ở cửa lách cách vị trí D ngồi khoảng 3m, mục đích để bảo Đ đưa tiền cho S và bảo S bán ma túy cho Đ, thấy vậy, Đ lấy 200.000 đồng đưa cho S. T đang ngồi ở ghế trong phòng khách cầm tiền của Đ và đưa lại cho S. S ra nóc tủ lạnh lấy 02 ống ma túy đưa cho T và bảo T đưa ma túy cho Đ và T1. T cầm 02 ống ma túy của S rồi đưa lại cho T1. Khi T1 cất giấu 02 ống ma túy ở tất chân bên

phải của mình thì bị Công an huyện K phát hiện bắt quả tang (niêm phong ký hiệu M1); thu của S số tiền 200.000 đồng.

Cùng ngày, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Đức D thu giữ: 01 đoạn ống hút nhựa màu vàng, kích thước 0,5x2cm trên nóc tủ lạnh (niêm phong ký hiệu M2); 01 hộp nhựa hình trụ màu trắng bên trong có 18 đoạn ống hút nhựa màu vàng, cùng kích thước 0,5x2cm trên nóc tủ kệ sách ở bàn học (niêm phong ký hiệu M3) và 01 cân tiểu ly trên mặt kệ tủ tivi.

D cất giấu 18 ống ma túy trên kệ sách không cho ai biết, mục đích để bán hưởng lợi nhuận; 01 ống ma túy thu trên nóc tủ lạnh là ma túy D đưa cho S, mục đích để bán hưởng lợi nhuận nên không cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Kết luận giám định số 43 ngày 18/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chất bột màu trắng của các mẫu M1, M2, M3 gửi giám định đều là ma túy Heroin. Khối lượng của mẫu M1 là 0,04 gam; của mẫu M2 là 0,05 gam; của mẫu M3 là 0,8 gam.

Bản cáo trạng số 21/CT-VKSKT ngày 22 tháng 4 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Bùi Đức D, Bùi Đức S, Lê Ngọc T đều về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Đối với người đàn ông bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Bùi Đức D ngày 16/12/2020, Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nên tách ra để điều tra xử lý sau.

Ngô Đăng Đ, Phạm Đức T1 có hành vi tàng trữ 0,04 gam chất ma túy Heroin để sử dụng, nhân thân của Đ và T1 chưa có tiền án, tiền sự liên quan đến các tội phạm về ma túy nên không cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển Công an huyện KiếnThụy xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Bùi Đức D, Bùi Đức S, Lê Ngọc T về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Đức D từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2020;

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Ngọc T từ 08 năm đến 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2020;

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Đức S từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2020;

Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong trong có ma túy còn lại sau giám định; 01 cân tiểu ly màu nâu; 01 lọ nhựa màu trắng hình trụ; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng Ngô Đăng Đ và Phạm Đức T1 dùng vào mục đích mua ma túy để sử dụng;

- Ý kiến của các bị cáo Bùi Đức D, Bùi Đức S, Lê Ngọc T: Các bị cáo thừa nhận tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố đối với các bị cáo là đúng, không oan, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Đăng Đ, Phạm Đức T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố đối với các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Bùi Đức D, Bùi Đức S, Lê Ngọc T khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 16/12/2020 các bị cáo cáo Bùi Đức D, Bùi Đức S, Lê Ngọc T đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Ngô Đăng Đ và Phạm Đức T1 với giá 200.000 đồng thì bị Công an phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng. Các bị cáo

cáo Bùi Đức D, Bùi Đức S, Lê Ngọc T nhận thức được việc bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do vậy đã đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo cáo Bùi Đức D, Bùi Đức S, Lê Ngọc T đồng phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Các bị cáo cáo Bùi Đức D, Bùi Đức S, Lê Ngọc T có hành vi bán trái phép 0,04 gam ma túy cùng lúc cho Ngô Đăng Đ và Phạm Đức T1 01 lần vào khoảng 19 giờ 20 phút ngày 16/12/2020 nên hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung “Đối với 02 người trở lên” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự như kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách quản lý chất ma túy của Nhà nước, loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Nhân thân bị cáo Lê Ngọc T có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo D, S, T đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án có đồng phạm nên cần xem xét, phân hóa vai trò và nhân thân của từng bị cáo để có mức án phù hợp. Trong vụ án này bị cáo Bùi Đức D có vai trò cao nhất, là người trực tiếp đi mua ma túy về, cất giấu ma túy đồng thời là người chỉ đạo Bùi Đức S bán ma túy khi có người mua. Nhân thân bị cáo D có 01 tiền án mặc dù đã được xóa án tích và 01 tiền sự chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội chứng tỏ ý thức của bị cáo không chịu cải tạo, chấp hành tốt các quy định của pháp luật nên cần thiết xử bị cáo phải có mức án cao trong khung hình phạt và cao hơn so với các bị cáo khác.

Bị cáo Bùi Đức S và Lê Ngọc T phạm tội với vai trò đồng phạm, là người thực hành tích cực, giúp sức cho bị cáo Bùi Đức D trong việc bán trái phép chất

ma túy nên có vai trò ngang nhau. Tuy nhiên nhân thân bị cáo T có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo T phải chịu mức án cao hơn so với bị cáo S.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy các bị cáo cáo Bùi Đức D, Bùi Đức S, Lê Ngọc T không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và tài sản riêng nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] Về vật chứng: Đối với số ma túy còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ và 01 cân tiểu ly và 01 lọ nhựa màu trắng hình trụ là dụng cụ bị cáo D dùng vào việc mua bán trái phép chất ma túy và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; số tiền 200.000 đồng do Ngô Đăng Đ và Phạm Đức T1 dùng vào việc mua bán ma túy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Đức D 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2020.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Ngọc T 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2020.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Đức S 07 (bảy) năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2020.

*Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì giấy có dấu số 43/MT/PC09; 01 cân tiểu ly màu nâu; 01 lọ nhựa màu trắng, hình trụ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng)

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

(Theo Biên lai thu T số 0002899 ngày 22/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K).

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, các bị cáo Bùi Đức D, Bùi Đức S, Lê Ngọc T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. .

* Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND; TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Phòng PV06; PC10 Công an Hải Phòng
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Đ ; xã Đ;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang